| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019.
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Long.

Ông Võ Tấn Thành.

**- *Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Mai

– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1968.

Cư trú tại: ấp V, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

-*Bị đơn:* Ông Phan Minh D, sinh năm: 1965.

Cư trú tại: ấp V, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Tuyết M là nguyên đơn trình bày*: Bà và ông Phan Minh D tổ chức lễ cưới vào năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Phan Minh D.

Về con chung: Bà và ông D có với nhau một người con chung tên Phan Ngọc Hoàng G, sinh ngày 19/3/1993, hiện nay con chung đã trưởng thành, sống tự lập được, nên khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ông Phan Minh D hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án nhiều lần tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông D nhưng ông D vắng mặt không lý do, do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Phan Minh D.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết M xin ly hôn với ông Phan Minh D, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết.

[2] Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Phan Minh D tổ chức lễ cưới vào năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà Nguyễn Thị Tuyết M sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tuyết M xin ly hôn với ông D. Đối với ông Phan Minh D hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông D, nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do, đã thể hiện ý thức không hợp tác của ông D. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Phan Minh D, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Nguyên đơn khai trình hai đương sự có với nhau một người con chung tên Phan Ngọc Hoàng Giang, sinh ngày 19/3/1993, hiện nay con chung đã trưởng thành, sống tự lập được, nên khi ly hôn nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai trình không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Phan Minh D.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí bà Tuyết M đã nộp là 300.000 đồng sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0002220 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Phạm Văn Thái**